



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

MILINDAPAÑHAPĀḶI

&

MILINDA VẤN ĐẠO

IV. ANUMĀNAVAGGO

1. ANUMĀNAPAÑHO

1. Atha kho milindo rājā yenāyasmā nāgaseno tenupasaṅkami, upasaṅkamitvā āyasmantaṃ nāgasenaṃ abhivādetvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisinno kho milindo rājā ñātukāmo, sotukāmo, dhāretukāmo, ñāṇālokaṃ datṭhukāmo, aññāṇaṃ bhinditukāmo, ñāṇālokaṃ uppādetukāmo [avijjandhakāraṃ nāsetukāmo]¹ adhimattaṃ dhitiñca ussāhañca satiñca sampajaññañca upaṭṭhapetvā āyasmantaṃ nāgasenaṃ etadavoca:

2. “**Bhante nāgasena, kimpana buddho tayā diṭṭho**”ti?

“Na hi mahārājā”ti.

“Kimpana te ācariyehi buddho diṭṭho”ti?

“Na hi mahārājā”ti.

“Bhante nāgasena, na kira tayā buddho diṭṭho, nāpi kira te ācariyehi buddho diṭṭho. Tena hi bhante nāgasena natthi buddho. Na hettha buddho paññāyati”ti.

“Atthi pana te mahārāja pubbakā khattiyā ye te tava khattiyavaṃsassa pubbaṅgamā”ti?

“Āma bhante. Ko saṃsayo? Atthi pubbakā khattiyā, ye mama khattiyavaṃsassa pubbaṅgamā”ti.

“Diṭṭhapubbā tayā mahārāja, pubbakā khattiyā”ti?

“Na hi bhante”ti.

“Ye pana taṃ mahārāja anusāsanti purohitā senāpatayo² akkhadassā mahāmattā, tehi pubbakā khattiyā diṭṭhapubbā”ti?

“Na hi bhante”ti.

“Yadi pana te mahārāja pubbakā khattiyā na diṭṭhā, nāpi kira te anusāsakehi pubbakā khattiyā diṭṭhā, kattha³ pubbakā khattiyā? Na hettha pubbakā khattiyā paññāyantī”ti?

“Dissanti bhante nāgasena pubbakānaṃ khattiyānaṃ anubhūtāni paribhogabhaṇḍāni, seyyathidaṃ: setacchattaṃ uñhisaṃ pādukā vālavijāni khaggaratanaṃ mahārahāni ca sayanāni, yehi mayaṃ jāneyyāma, saddaheyyāma ‘atthi pubbakā khattiyā’”ti.

¹ avijjandhakāraṃ nāsetukāmo - itipāṭho Ma, PTS potthakesu dissate.

² senāpatino - Ma, PTS.

³ tena hi natthi - Ma.

IV. PHÂM SUY LUẬN:

1. CÂU HỎI (GIẢNG BẰNG SỰ) SUY LUẬN:

1. Khi ấy, đức vua Milinda đã đi đến gặp đại đức Nāgasena, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Nāgasena rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức vua Milinda có sự mong muốn được biết, mong muốn được nghe, mong muốn ghi nhớ, mong muốn nhìn thấy ánh sáng của trí tuệ, mong muốn phá vỡ sự không biết, mong muốn làm sanh khởi ánh sáng của trí tuệ, mong muốn tiêu diệt bóng tối của vô minh, sau khi thiết lập sự can đảm vượt bậc, sự cố gắng, sự ghi nhớ, và sự nhận biết rõ rệt, rồi đã nói với đại đức Nāgasena điều này:

2. **“Thưa ngài Nāgasena, có phải đức Phật đã được ngài nhìn thấy?”**

“Tâu đại vương, không có.”

“Có phải đức Phật đã được các vị thầy của ngài nhìn thấy?”

“Tâu đại vương, không có.”

“Thưa ngài Nāgasena, nghe nói đức Phật đã không được ngài nhìn thấy, cũng nghe nói đức Phật đã không được các vị thầy của ngài nhìn thấy. Thưa ngài Nāgasena, như thế thì không có đức Phật. Bởi vì ở đây đức Phật không được biết đến.”

“Tâu đại vương, vậy thì những vị tổ tiên của dòng dõi Sát-đế-ly của ngài, có các vị Sát-đế-ly tiền bối ấy không?”

“Thưa ngài, có. Có sự nghi ngờ gì? Có các vị Sát-đế-ly tiền bối, họ là tổ tiên của dòng dõi Sát-đế-ly của trăm.”

“Tâu đại vương, có phải các vị Sát-đế-ly tiền bối đã được ngài nhìn thấy?”

“Thưa ngài, không có.”

“Tâu đại vương, vậy thì các vị quân sự, tướng lãnh, quan tòa, quan đại thần đang cố vấn cho ngài, có phải các vị Sát-đế-ly tiền bối đã được những người ấy nhìn thấy?”

“Thưa ngài, không có.”

“Tâu đại vương, nếu các vị Sát-đế-ly tiền bối đã không được ngài nhìn thấy, nghe nói các vị Sát-đế-ly tiền bối cũng đã không được những vị cố vấn của ngài nhìn thấy, vậy thì các vị Sát-đế-ly tiền bối ở đâu? Bởi vì ở đây các vị Sát-đế-ly tiền bối không được nhận biết.”

“Thưa ngài Nāgasena, những đồ dùng đã được các vị Sát-đế-ly tiền bối sử dụng được nhìn thấy như là: chiếc lọng màu trắng, khăn bịt đầu, đôi giày, quạt phất trần, viên ngọc ở thanh gươm, và các giường nằm vô cùng giá trị, nhờ chúng mà chúng tôi có thể biết được, có thể tin tưởng là: ‘Có các vị Sát-đế-ly tiền bối.’”

“Evameva kho mahārāja, mayampetaṃ bhagavantaṃ jāneyyāma, saddaheyyāma. Atthi taṃ kāraṇaṃ yena mayaṃ kāraṇena jāneyyāma saddaheyyāma ‘atthi so bhagavā ’ti. Katamaṃ taṃ kāraṇaṃ? Atthi kho mahārāja tena bhagavatā jānatā passatā arahatā sammāsambuddhena anubhūtāni paribhogabhaṇḍāni, seyyathidaṃ: cattāro satipaṭṭhānā, cattāro sammappadhānā, cattāro iddhipādā, pañcindriyāni, pañca balāni, satta bojjaṅgā, ariyo aṭṭhaṅgiko maggo, yehi sadevako loko jānāti saddahati ‘atthi so bhagavā ’ti. Iminā mahārāja kāraṇena iminā hetunā iminā nayena iminā anumānena ñātappaṃ ‘atthi so bhagavā ’ti.

Bahū jane tārayitvā nibbuto upadhikkhaye,
anumānena ñātappaṃ atthi so dipaduttamo ”ti.

3. “Bhante nāgasena, opammaṃ karohī ”ti.

“Yathā mahārāja nagaravaḍḍhakī nagaraṃ māpetukāmo paṭhamaṃ tāva samaṃ anunnatamanonataṃ asakkharapāsāṇaṃ nirupaddavamanavajjaṃ ramaṇiyaṃ bhūmibhāgaṃ anuviloketvā, yaṃ tattha visamaṃ, taṃ samaṃ kārapetvā khāṇukaṇṭakaṃ visodhāpetvā tattha nagaraṃ māpeyya sobhanaṃ vibhattaṃ bhāgaso mitaṃ ukkiṇṇa-parikhā-pākāraṃ daḷha-gopuraṭṭāla-koṭṭhakaṃ¹ puthu-caccara-catukka-sandhi-siṅghāṭakaṃ suci-samatālarājamaggaṃ suvibhattantarāpaṇaṃ āramuyyāna-taḷāka-pokkharāṇi-udapāna-sampannaṃ bahuvīdha-devaṭṭhāna-patimaṇḍitaṃ sabbadosa-virahitaṃ, so tasmaṃ nagare sabbathā vepullappatte aññadesaṃ upagaccheyya, atha taṃ nagaraṃ aparena samayena iddhaṃ bhaveyya phītaṃ subhikkhaṃ khemaṃ samiddhaṃ sivaṃ anītikaṃ nirupaddavaṃ nānājanasamākulaṃ, puthukhattiyā brāhmaṇā vessā suddā hatthārohā assārohā rathikā pattikā dhanuggahā tharuggahā celakā calakā piṇḍadāyaka² uggā rājaputtā pakkhandino mahānāgā sūrā vammīno yodhino dāsaputtā³ bhaṭṭiputtā⁴ mallagaṇā⁵ āḷārikā sūdā kappakā nahāpakā cundā mālākārā suvaṇṇakārā sajjhukārā sīsakārā tipukārā lohakārā vaṭṭakārā ayakkārā maṇikārā pesakārā kumbhakārā loṇakārā cammakārā rathakārā dantakārā rajjukārā kocchakārā suttakārā vilivakārā dhanukārā jiyākārā usukārā cittakārā raṅgakārā rajakā tantavāyā tunnavāyā heraññikā dussikā gandhikā tiṇahārakā kaṭṭhahārakā bhatakā paṇṇikā phalikā mūlikā odanikā pūvikā macchikā maṃsikā majjikā naṭakā naccakā laṅghakā indajālikā vetālikā mallā chavaḍḍhakā --

¹ koṭṭakam - Ma, PTS.

² piṇḍadāvika - PTS.

³ dāsikaputtā - Ma.

⁴ bhaṭṭiputtā - Ma.

⁵ mallakā gaṇakā - Ma.

“Tâu đại vương, tương tự y như thế chúng tôi cũng có thể biết được, có thể tin tưởng về đức Thế Tôn ấy. Có lý do mà với lý do ấy chúng tôi có thể biết được, có thể tin tưởng là: ‘Có đức Thế Tôn ấy.’ Lý do ấy là điều nào? Tâu đại vương, quả là có những đồ dùng đã được đức Thế Tôn ấy, vị biết, vị thấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác sử dụng, như là: Bốn sự thiết lập niệ, bốn chánh tinh tấn, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy chi phần đưa đến giác ngộ, Thánh Đạo tám chi phần, nhờ chúng mà thế gian luôn cả chư Thiên biết được, tin tưởng là: ‘Có đức Thế Tôn ấy.’ Tâu đại vương, với lý do này, với nguyên nhân này, với phương pháp này, với sự suy luận này mà có thể biết được rằng: ‘Có đức Thế Tôn ấy.’

‘Sau khi đã giúp cho nhiều người vượt qua, Ngài đã tịch diệt ở sự đoạn tận mầm móng tái sanh. Nhờ vào sự suy luận, có thể biết được rằng: ‘Có bậc Tối Thượng Nhân ấy.’”

3. “Thưa ngài Nāgasena, xin ngài cho ví dụ.”

“Tâu đại vương, giống như nhà kiến trúc đô thị có ý định xây dựng thành phố thì trước tiên hết xem qua khoảnh đất bằng phẳng, không bị nhô lên không bị lõm xuống, không sạn sỏi và đá tảng, không nguy hiểm, không bị chê trách, đáng được yêu thích, rồi chỗ nào không bằng phẳng thì cho san bằng chỗ ấy, cho dọn sạch gốc cây và gai góc, rồi tại chỗ ấy xây dựng thành phố lộng lẫy, được phân chia thành từng phần, đã được đo đạc, có đường hào đã được đào lên và thành lũy, có tháp canh và cổng thành vững chắc, có đường băng ngang, ngã tư, giao lộ, bồn binh rộng lớn, có đường lộ chính sạch sẽ và có bề mặt bằng phẳng, có cửa tiệm khéo được bố trí bên trong, được đầy đủ với các khu vườn, công viên, hồ ao, đầm sen, giếng nước, được tô điểm với nhiều loại điện thờ chư Thiên, toàn bộ đều không có khuyết điểm. Khi thành phố ấy đã đạt đến sự phát triển về mọi mặt, người ấy có thể đi đến khu vực khác. Rồi thời gian sau đó, thành phố ấy trở nên thịnh vượng, giàu có, vật thực dễ dàng, an toàn, được phát đạt, thẳng lợi, không có rủi ro, không có bất hạnh, đông đảo với nhiều hạng người, các Sát-đế-ly có tầm cỡ, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các quản tượng, các kỹ sĩ, các người đánh xe, các khách bộ hành, các cung thủ, các kiếm sĩ, các hiệp sĩ, các quân nhân, các nhà cung cấp vật thực, các hoàng tử dũng mãnh, các cảm tử quân, các yếu nhân, các vị anh hùng, các chiến sĩ mặc áo giáp, các người con của kẻ nô bộc, các người con của kẻ làm thuê, các toán đầu vật, các người nấu ăn, các đầu bếp, các thợ cạo, các người hầu tắm, các thợ rèn, các người làm tràng hoa, các thợ vàng, các thợ bạc, các thợ chì, các thợ thiếc, các thợ đồng, các thợ hợp kim, các thợ sắt, các thợ ngọc ma-ni, các thợ dệt, các thợ gốm, các người làm muối, các thợ thuộc da, các thợ làm xe, các thợ làm ngà, các thợ làm dây, các thợ làm lược, các thợ quay tơ, các thợ đan giỏ, các thợ làm cung, các thợ làm dây cung, các thợ làm tên, các thợ vẽ tranh, các thợ làm màu, các thợ nhuộm, các thợ dệt vải, các thợ may, các thợ phân kim, các người buôn vải, các người buôn hương liệu, các người cắt cỏ, các người nhặt củi, các người làm thuê, các người bán rau, các người bán trái cây, các người bán rẽ cây, các người bán cơm, các người bán bánh, các người bán cá, các người bán thịt, các người bán rượu, các kịch sĩ, các vũ công, các người múa rối, các ảo thuật gia, các nhạc công, các người đầu vật, các người thiêu xác, --

--pupphachaddakā venā nesādā gaṇikā lāsikā kumbhadāsiyo sakayavana-
cīnavilāta-ujjenakā bhārukacchakā kāsikosalā parantakā māgadhakā
sāketakā soratthakā pāṭheyyakā¹ koṭumbaramādhurakā alasandakasmīra-
gandhārā taṃ nagaraṃ vāsāya upagatā nānāvisayino janā navaṃ
suvibhattaṃ adosamanavajjaṃ ramaṇiyaṃ taṃ nagaraṃ passitvā
anumānena jānanti: ‘Cheko vata bho so nagaravaḍḍhakī, yo imassa
nagarassa māpetā ’ti.

Evameva kho mahārāja so bhagavā asamo asamasamo appaṭisamo
asadiso atulo asaṅkheyyo appameyyo aparimeyyo amitaguṇo
guṇapāramippatto anantadhiti anantatejo anantaviriyo anantabalo
buddhabalapāramiṃ gato saseṇaṃ māraṃ parājetvā diṭṭhijālaṃ padāletvā
avijjaṃ khepetvā vijjaṃ uppādetvā dhammukkaṃ dhārayitvā sabbaññutaṃ
pāpuṇitvā nijjita²-vijita-saṅgāmo dhammanagaraṃ māpesi.

Bhagavato kho mahārāja dhammanagaraṃ sīla-pākāraṃ hiri-parikhaṃ
ñāṇa-dvāraḷḷhakaṃ viriya-aṭṭālakkaṃ saddhā-esikkaṃ sati-dovārikaṃ
paññā-pāsādaṃ suttanta-caccaraṃ abhidhamma-siṅghāṭakaṃ vinaya-
vinicchayaṃ satipaṭṭhāna-vīthikaṃ. Tassa kho pana mahārāja satipaṭṭhāna-
vīthiyaṃ evarūpā āpaṇā pasāritā honti, seyyathidaṃ: pupphāpaṇaṃ
gandhāpaṇaṃ phalāpaṇaṃ agadāpaṇaṃ osadhāpaṇaṃ amatāpaṇaṃ
ratanāpaṇaṃ sabbāpaṇaṃ ”ti.

4. “Bhante nāgasena katamaṃ buddhassa bhagavato pupphāpaṇaṃ ”ti?

“Atthi kho pana mahārāja tena bhagavatā jānatā passatā arahatā sammā-
sambuddhena āramaṇavibhattiyo akkhātā, seyyathidaṃ: aniccasaññā
dukkhasaññā anattasaññā asubhasaññā ādinavasāññā pahānasāññā virāga-
saññā nirodhasaññā sabbaloke anabhiratasāññā³ sabbasaṅkhāresu anicca-
saññā ānāpānasati uddhumātakasaññā vinīlakasaññā vipubbakasaññā
vicchiddakasaññā vikkhāyitakasaññā vikkhittakasaññā hatavikkhittakasaññā
lohitakasaññā puḷavakasaññā aṭṭhikasāññā mettāsaññā karuṇāsaññā
muditāsaññā upekkhāsaññā maraṇānussati kāyagatāsati, imā kho mahārāja
buddhena bhagavatā āramaṇavibhattiyo akkhātā.

¹ soreyyakā pāveyyakā - Ma.

² nijjita - itisaddo Machasaṃ natthi.

³ anabhiratisaññā - Ma.

-- các người đổ rác hoa, các thợ làm tre, các thợ săn, các kỹ nữ, các vũ nữ, các tớ gái đội nước, các người ở Saka, ở Yavana, ở Cīna, ở Vilāta, ở Ujjenī, ở Bhārukaccha, ở Kāsi, ở Kosala, ở Paranta, ở Magadha, ở Sāketa, ở Soratṭha, ở Pāvā, ở Koṭumbara, ở Madhura, ở Alasanda, ở Kasmīra, ở Gandhāra đã đi đến cư ngụ ở thành phố ấy, những người ở các địa phương khác nhau sau khi nhìn thấy thành phố ấy mới mẻ, khéo được bố trí, không khuyết điểm, không bị chê trách, đáng được yêu thích, bằng cách suy luận nhận biết rằng: ‘Này ông bạn, nhà kiến trúc đô thị xây dựng thành phố này quả là thành thạo.’

Tâu đại vương, tương tự y như thế đức Thế Tôn ấy, là vị không ai sánh bằng, tương đương với bậc không thể sánh bằng, không người đối xứng, không kẻ tương đương, không ai sánh bằng, không thể ước lượng, không thể đo lường, không thể định lượng, có đức hạnh vô lượng, đã đạt đến sự toàn hảo của đức hạnh, có sự can đảm vô biên, có sự vinh quang vô biên, có sự tinh tấn vô biên, có năng lực vô biên, đã đạt đến sự toàn hảo về Phật lực, sau khi đánh bại Ma Vương cùng với đạo binh, sau khi đã phá tung mạng lưới tà kiến, sau khi dẹp bỏ vô minh, sau khi làm cho minh sanh khởi, sau khi nắm giữ ngọn đuốc Chánh Pháp, sau khi đạt được bản thể Toàn Tri, với trận chiến không bị khuất phục, đã được chiến thắng, Ngài đã xây dựng thành phố Giáo Pháp.

Tâu đại vương, thành phố Giáo Pháp của đức Thế Tôn có thành lũy là giới, có đường hào là sự hổ thẹn tội lỗi, có cổng thành là trí, có tháp canh là sự tinh tấn, có trụ chống là đức tin, có người gác cổng là niệm, có tòa lâu đài là tuệ, có đường băng ngang là Kinh, có bồn bình là Vi Diệu Pháp, có tòa án là Luật, có đường phố là sự thiết lập niệm. Tâu đại vương, hơn nữa ở đường phố về sự thiết lập niệm của thành phố ấy, có các cửa tiệm với hình thức như vậy khéo là được trưng bày, như là: cửa tiệm bông hoa, cửa tiệm hương liệu, cửa tiệm trái cây, cửa tiệm thuốc giải độc, cửa tiệm thuốc chữa bệnh, cửa tiệm thuốc bắt tử, cửa tiệm châu báu, cửa tiệm tổng hợp.”

4. “Thưa ngài Nāgasena, cửa tiệm bông hoa của đức Phật Thế Tôn là cái nào?”

“Tâu đại vương, có các sự phân loại về đối tượng (tham thiên) đã được đức Thế Tôn ấy, vị biết, vị thấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, nói đến như là: tưởng về vô thường, tưởng về khổ não, tưởng về vô ngã, tưởng về bất mỹ, tưởng về điều bất lợi, tưởng về sự dứt bỏ, tưởng về ly luyến ái, tưởng về sự tịch diệt, tưởng về sự không hứng thú với mọi thứ ở thế gian, tưởng về vô thường trong tất cả các sự tạo tác, niệm hơi thở vào ra, tưởng về tử thi bị trương sinh, tưởng về tử thi có màu xanh xám, tưởng về tử thi bắt đầu thối rữa, tưởng về tử thi bị thủng nhiều lỗ, tưởng về tử thi bị thú ăn, tưởng về tử thi bị vung vãi, tưởng về tử thi bị hủy hoại và vung vãi, tưởng về tử thi bị đâm máu, tưởng về tử thi bị giòi bọ rút rìa, tưởng về bộ xương, tưởng về tâm tử, tưởng về tâm bi, tưởng về tâm hỷ, tưởng về tâm xả, niệm về sự chết, niệm được đặt ở thân. Tâu đại vương, các sự phân loại về đối tượng (tham thiên) này đã được đức Phật Thế Tôn nói đến.

Tattha yo koci jarāmarañā muccitukāmo so tesu aññataraṃ ārammaṇaṃ gaṇhāti, tena ārammaṇena rāgā vimuccati, dosā vimuccati, mohā vimuccati, mānato vimuccati, diṭṭhito vimuccati, saṃsāraṃ tarati, taṇhāsotaṃ nivāreti, tividhaṃ malaṃ visodheti, sabbakilese upahantvā amalaṃ virajaṃ suddhaṃ paṇḍaraṃ ajātiṃ ajaraṃ amaraṃ sukhaṃ sītibhūtaṃ abhayaṃ nagaruttamaṃ nibbānanagaraṃ pavisitvā arahatte cittaṃ vimoceti. Idaṃ vuccati mahārāja ‘bhagavato pupphāpaṇaṃ ’ti.

Kammamūlaṃ gahetvāna āpaṇaṃ upagacchatha,
ārammaṇaṃ kiṇitvāna tato muccatha muttiyā ”ti.

5. “Bhante nāgasena, katamaṃ buddhassa bhagavato gandhāpaṇaṃ ”ti?

“Atthi kho mahārāja tena bhagavatā sīlavibhattiyo akkhātā, yena sīlagandhena anulittā bhagavato puttā sadevakaṃ lokaṃ sīlagandhena dhūpenti sampadhūpenti, disampi anudisampi anuvātampi paṭivātampi vāyanti ativāyanti, pharivā tiṭṭhanti. Katamā tā sīlavibhattiyo? Saraṇasīlaṃ pañcasīlaṃ aṭṭhaṅgasīlaṃ dasaṅgasīlaṃ pañcuddesapariyāpannaṃ pātīmokkhasaṃvarasīlaṃ. Idaṃ vuccati mahārāja ‘bhagavato gandhāpaṇaṃ ’ti. Bhāsitaṃpettaṃ mahārāja bhagavatā devātidevena:

**‘Na pupphagandho paṭivātameti
na candanaṃ tagaramallikā vā,
satañca gandho paṭivātameti
sabbā disā sappuriso pavāti.¹**

**Candanaṃ tagaraṃ vāpi uppalaṃ atha vassikī,
etesaṃ gandhajātānaṃ sīlagandho anuttaro.**

**Appamatto ayaṃ gandho yāyaṃ tagaracandani,²
yo ca sīlavataṃ gandho vāti devesu uttamo ”ti.**

6. “Bhante nāgasena, katamaṃ buddhassa bhagavato phalāpaṇaṃ ”ti?

¹ pavāyati - Ma.

² tagaracandaṃ - Ma.

Ở nơi ấy, người nào có ước muốn được thoát khỏi sự già và sự chết, người ấy nắm giữ một đối tượng nào đó trong số đó, rồi nhờ vào đối tượng ấy được thoát khỏi luyến ái, được thoát khỏi sân, được thoát khỏi si, được thoát khỏi ngã mạn, được thoát khỏi (tà) kiến, vượt qua luân hồi, ngăn chặn dòng chảy tham ái, làm trong sạch ba loại vết bẩn, sau khi hủy diệt tất cả phiền não, sau khi đi vào thành phố tối thượng là thành phố Niết Bàn, không vết nhơ, hết bụi bặm, trong sạch, tinh khiết, không sanh, không già, không chết, an lạc, có trạng thái mát lạnh, không có nỗi sợ hãi, rồi làm cho tâm được giải thoát ở phẩm vị A-la-hán. Tâu đại vương, cái này được gọi là ‘cửa tiệm bông hoa của đức Thế Tôn.’

‘Sau khi nắm lấy tiền vốn là nghiệp (thiện),¹ hãy đi đến cửa tiệm, hãy mua lấy đối tượng, từ đó hãy được tự do ở sự giải thoát.’

5. “Thưa ngài Nāgasena, cửa tiệm hương liệu của đức Phật Thế Tôn là cái nào?”

“Tâu đại vương, có các sự phân loại về giới đã được đức Thế Tôn ấy nói đến. Được thoa bởi hương thơm của giới ấy, các người con trai của đức Thế Tôn tỏa hơi, tràn ngập thế gian luôn cả chư Thiên bằng hương thơm của giới, rồi thổi đến, bao trùm hướng chính, hướng phụ, gió thuận chiều, gió nghịch chiều, sau khi tỏa khắp thì lắng đọng lại. Các sự phân loại về giới ấy là các cái nào? Là giới của sự nương nhờ (tam quy), năm giới, tám điều giới, mười điều giới, giới của sự thu thúc theo giới bốn *Pātimokkha* được bao gồm ở năm phần đọc tụng. Tâu đại vương, cái này được gọi là ‘cửa tiệm hương liệu của đức Thế Tôn.’ Tâu đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời vượt trội các vị Trời, nói đến:²

*‘Hương thơm của bông hoa không bay ngược chiều gió,
(hương thơm của) gỗ trầm, gỗ tagara, hoặc hoa nhài cũng không.
Còn hương thơm của những người tốt bay ngược chiều gió,
người đức hạnh tỏa hương (thơm giới hạnh) khắp mọi phương.’*

Gỗ trầm, gỗ tagara, hoặc ngay cả hoa sen và hoa nhài, trong số các loại có hương thơm này, hương thơm của giới là vô thượng.

Hương thơm này của gỗ tagara hay gỗ trầm là nhỏ nhoi, còn hương thơm của những người có giới hạnh thổi giữa chư Thiên là tối thượng.’

6. “Thưa ngài Nāgasena, cửa tiệm trái cây của đức Phật Thế Tôn là cái nào?”

¹ Theo Sớ Giải, nghiệp (thiện) ở đây là các thiện pháp đã làm trong sự chứng minh của chư Phật quá khứ (*Milindaṭīkā*, mẫu tự Sinhala, trang 413).

² *Dhammapada - Pháp Cú*, các câu 54, 55, 56.

“Phalāni kho mahārāja bhagavatā akkhātāni, seyyathīdaṃ: sotāpatti-phalaṃ sakadāgāmiphalaṃ anāgāmiphalaṃ arahattaphalaṃ suññataphala-samāpatti animittaphalasamāpatti appaṇihitaphalasamāpatti. Tattha yo koci yaṃ phalaṃ icchati, so kammamūlaṃ datvā patthitaṃ phalaṃ kiṇāti, yadi sotāpattiphalaṃ, yadi sakadāgāmiphalaṃ, yadi anāgāmiphalaṃ, yadi arahattaphalaṃ, yadi suññataphalasamāpattiṃ, yadi animittaphala-samāpattiṃ, yadi appaṇihitaphalasamāpattiṃ.

Yathā mahārāja kassaci purisassa dhuvaphalo ambo bhaveyya, so na tāva tato phalāni pātetī, yāva kayiko¹ na āgacchati, anuppatte pana kayike mūlaṃ gahetvā evaṃ ācikkhati: ‘Ambho purisa eso kho dhuvaphalo ambo, tato yaṃ icchasi ettakaṃ phalaṃ gaṇhāhi, salāṭukaṃ vā dovilaṃ vā kesikaṃ vā āmaṃ vā pakkaṃ vā ’ti, so tena attanā dinnamūlena yadi salāṭukaṃ icchati salāṭukaṃ gaṇhāti, yadi dovilaṃ icchati dovilaṃ gaṇhāti, yadi kesikaṃ icchati kesikaṃ gaṇhāti, yadi āmaṃ icchati āmaṃ gaṇhāti, yadi pakkaṃ icchati pakkaṃ gaṇhāti. Evameva kho mahārāja yo yaṃ phalaṃ icchati so kammamūlaṃ datvā patthitaṃ phalaṃ gaṇhāti, yadi sotāpattiphalaṃ —pe— yadi appaṇihitaphalasamāpattiṃ. Idaṃ vuccati mahārāja ‘bhagavato phalāpaṇan ’ti.

Kammamūlaṃ janā datvā gaṇhanti amatamphalaṃ,
tena te sukhitā honti ye kitā amatamphalan ”ti.

7. “Bhante nāgasena, katamaṃ buddhassa bhagavato agadāpaṇan ”ti?

“Agadāni kho mahārāja bhagavatā akkhātāni, yehi agadehi so bhagavā sadevakaṃ lokaṃ kilesavisato parimoceti. Katamāni pana tāni agadāni? Yānimāni mahārāja bhagavatā cattāri ariyasaccāni akkhātāni, seyyathīdaṃ: dukkhaṃ ariyasaccaṃ, dukkhasamudayo ariyasaccaṃ, dukkhanirodho ariyasaccaṃ, dukkhanirodhagāminīpaṭipadā ariyasaccaṃ. Tattha ye keci aññāpekkhā catusaccaṃ dhammaṃ suṇanti, te jātiyā parimuccanti, jarāya parimuccanti, maraṇā parimuccanti, soka-parideva-dukkha-domanassupāyāsehi parimuccanti. Idaṃ vuccati mahārāja ‘bhagavato agadāpaṇan ’ti.

Ye keci loke agadā² visānaṃ paṭibāhakā,
dhammāgadasamaṃ natthi etaṃ pivatha bhikkhavo ”ti.

8. “Bhante nāgasena, katamaṃ buddhassa bhagavato osadhāpaṇan ”ti?

¹ kayikā - Ma, PTS.

² agadā loke - Ma.

“Tâu đại vương, các loại quả đã được đức Thế Tôn ấy nói đến như là: Quả vị Nhập Lưu, quả vị Nhất Lai, quả vị Bất Lai, quả vị A-la-hán, sự thể nhập quả vị không tánh, sự thể nhập quả vị vô tướng, sự thể nhập quả vị vô nguyện. Ở nơi ấy, người nào ước muốn quả vị nào, người ấy sau khi trao ra tiền vốn là nghiệp (thiện) rồi mua lấy quả vị đã được mong mỏi, nếu là quả vị Nhập Lưu, hay quả vị Nhất Lai, hay quả vị Bất Lai, hay quả vị A-la-hán, hay sự thể nhập quả vị không tánh, hay sự thể nhập quả vị vô tướng, hay sự thể nhập quả vị vô nguyện.

Tâu đại vương, giống như cây xoài của người đàn ông nào đó là có trái thường xuyên. Cho đến khi nào người mua chưa đi đến, thì người ấy còn chưa làm cho các trái từ trên cây rơi xuống. Trái lại, khi người mua đã đến thì người ấy nhận tiền vốn ở người mua rồi bảo như vậy: ‘Này ông, cây xoài này quả là có trái thường xuyên, ông muốn chùng nào ở cây ấy thì hãy lấy chùng ấy, hoặc còn sống, hoặc còn non, hoặc còn lông tơ, hoặc chưa chín, hoặc đã chín.’ Người ấy, với số tiền vốn đã được trao ra ấy của mình, nếu muốn trái còn sống thì lấy trái còn sống, nếu muốn trái còn non thì lấy trái còn non, nếu muốn trái còn lông tơ thì lấy trái còn lông tơ, nếu muốn trái chưa chín thì lấy trái chưa chín, nếu muốn trái chín thì lấy trái chín. Tâu đại vương, tương tự y như thế người nào ước muốn quả vị nào, thì sau khi trao ra tiền vốn là nghiệp (thiện), người ấy nhận lấy quả vị đã được mong mỏi, nếu là quả vị Nhập Lưu, —pe— hay sự thể nhập quả vị vô nguyện. Tâu đại vương, cái này được gọi là ‘cửa tiệm trái cây của đức Thế Tôn.’

‘Sau khi trao ra tiền vốn là nghiệp (thiện), rồi cầm lấy trái cây bất tử, những người nào mua trái cây bất tử, do việc ấy những người ấy được an lạc.’

7. “Thưa ngài Nāgasena, cửa tiệm thuốc giải độc của đức Phật Thế Tôn là cái nào?”

“Tâu đại vương, các thuốc giải độc đã được đức Thế Tôn nói đến, với các thuốc giải độc này đức Thế Tôn ấy giúp cho thế gian luôn cả chư Thiên thoát khỏi thuốc độc phiền não. Vậy thì các thuốc giải độc ấy là các loại nào? Tâu đại vương, bốn Chân Lý Cao Thượng này đã được đức Thế Tôn nói đến, như là: Chân Lý Cao Thượng về sự Khổ, Chân Lý Cao Thượng về nguyên nhân của Khổ, Chân Lý Cao Thượng về sự diệt Khổ, Chân Lý Cao Thượng về sự thực hành theo con đường đưa đến sự diệt Khổ. Tại nơi ấy, những người nào mong muốn trí tuệ lắng nghe Giáo Pháp về bốn Chân Lý, những người ấy được giải thoát khỏi sự sanh, được giải thoát khỏi sự già, được giải thoát khỏi sự chết, được giải thoát khỏi các sâu, bi, khổ, ưu, não. Tâu đại vương, cái này được gọi là ‘cửa tiệm thuốc giải độc của đức Thế Tôn.’

‘Bất cứ các thuốc giải độc nào ở thế gian đều là những vật dầy lùì các chất độc, không có loại nào sánh bằng thuốc giải độc là Giáo Pháp, này các tỳ khưu, các người hãy uống loại này.’

8. “Thưa ngài Nāgasena, cửa tiệm thuốc chữa bệnh của đức Phật Thế Tôn là cái nào?”

“Osadhāni kho mahārāja bhagavatā akkhātāni, yehi osadhehi so bhagavā devamanusse tikicchatī, seyyathīdaṃ: cattāro satipaṭṭhānā, cattāro sammappadhānā, cattāro iddhipādā, pañcīndriyāni, pañca balāni, satta bojjhaṅgā, ariyo aṭṭhaṅgiko maggo. Etehi osadhehi bhagavā micchādīṭṭhiṃ vireceti, micchāsaṅkappaṃ vireceti, micchāvācaṃ vireceti, micchā-kammantaṃ vireceti, micchā-ājīvaṃ vireceti, micchāvāyāmaṃ vireceti, micchāsatīṃ vireceti, micchāsamādhīṃ vireceti, lobhavamaṇaṃ kāreti, dosavamaṇaṃ kāreti, mohavamaṇaṃ kāreti, mānavamaṇaṃ kāreti, dīṭṭhivamaṇaṃ kāreti, vicīkicchāvamaṇaṃ kāreti, uddhaccavamaṇaṃ kāreti, thīnamiddhavamaṇaṃ kāreti, ahīrikānottappavamaṇaṃ kāreti, sabbakīlesa-vamaṇaṃ kāreti. Idaṃ vuccati mahārāja ‘bhagavato osadhāpaṇaṃ ’ti.

Ye keci osadhā loke vijjanti vivīdhā bahū,
dhammosadhasamaṃ natthi etaṃ pivatha bhikkhavo.

Dhammosadham pivītvāna ajarāmaṇā siyūṃ,
bhāvayītvā ca passītvā nibbutā upadhikkhaye ”ti.

9. “Bhante nāgasena, katamaṃ buddhassa bhagavato amatāpaṇaṃ ”ti?

“Amataṃ kho mahārāja bhagavatā akkhātāṃ, yena amatena so bhagavā sadevakaṃ lokaṃ abhisiñci, yena amatena abhīṣittā devamanussā jāti-jarā-vyādhi-maraṇa-soka-parīdeva-dukkha-domanassupāyāsehi parimuccīmsu. Katamaṃ taṃ amataṃ? Yadidaṃ kāyagatāsati. Bhāṣitampeṭaṃ mahārāja bhagavatā devātīdevena: ‘**Amataṃ te bhikkhave paribhuñjanti ye kāyagatāsatiṃ paribhuñjanti** ’ti. Idaṃ vuccati mahārāja ‘bhagavato amatāpaṇaṃ ’ti.

Byādhitāṃ janataṃ disvā amatāpaṇaṃ pasārayi,
kammaṇa taṃ kiṇītvāna amataṃ ādetha bhikkhavo ”ti.

10. “Bhante nāgasena, katamaṃ buddhassa bhagavato ratanāpaṇaṃ ”ti?

“Ratanāni kho mahārāja bhagavatā akkhātāni, yehi ratanehi bhūṣitā¹ bhagavato puttā sadevakaṃ lokaṃ virocanti² obhāṣenti pabhāṣenti, jalanti pajjalanti, uddham adho tiriyaṃ ālokaṃ dassenti. Katamāni tāni ratanāni? Sīlaratanaṃ samādhīratanaṃ paññāratanaṃ vimuttīratanaṃ vimuttīñña-dassanaratanaṃ paṭīsambhīdāratanaṃ bojjhaṅgaratanaṃ.

Katamaṃ mahārāja bhagavato sīlaratanaṃ? Pātimokkhasaṃvarasīlaṃ indriyasāṃvarasīlaṃ ājīvapārisuddhisīlaṃ paccayasannīṣitasīlaṃ cullasīlaṃ majjhīmasīlaṃ mahāsīlaṃ maggasīlaṃ phalasīlaṃ. Sīlaratanaṃ kho mahārāja vibhūṣitassa puggalassa sadevako loko samārako sabrahmakko sassamaṇabrāhmaṇī pajā pīhayati pattheti.

¹ vibhūṣitā - Ma.

² virocanti - Ma.

“Tâu đại vương, các thuốc chữa bệnh đã được đức Thế Tôn nói đến, với các thuốc chữa bệnh này đức Thế Tôn ấy chữa bệnh cho chư Thiên và nhân loại, như là: Bốn sự thiết lập niệ, bốn chánh tinh tấn, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy chi phần đưa đến giác ngộ, Thánh Đạo tám chi phần. Với những thuốc chữa bệnh này đức Thế Tôn tẩy sạch tà kiến, tẩy sạch tà tư duy, tẩy sạch tà ngữ, tẩy sạch tà nghiệp, tẩy sạch tà mạng, tẩy sạch tà tinh tấn, tẩy sạch tà niệ, tẩy sạch tà định, làm cho ói ra tham, làm cho ói ra sân, làm cho ói ra si, làm cho ói ra ngã mạn, làm cho ói ra tà kiến, làm cho ói ra hoài nghi, làm cho ói ra phóng dật, làm cho ói ra sự đã dưng buồn ngủ, làm cho ói ra sự không hổ thẹn và không ghê sợ (tội lỗi), làm cho ói ra tất cả phiền não. Tâu đại vương, cái này được gọi là ‘cửa tiệm thuốc chữa bệnh của đức Thế Tôn.’

‘Bất cứ các thuốc chữa bệnh nào được tìm thấy ở thế gian là đa dạng và có nhiều, không có loại nào sánh bằng thuốc chữa bệnh là Giáo Pháp, này các tỳ khưu, các người hãy uống loại này.’

Sau khi uống vào thuốc chữa bệnh là Giáo Pháp, thì có thể trở thành không già không chết. Sau khi tu tập và sau khi nhìn thấy, thì được tịch diệt ở sự đoạn tận mầm móng tái sanh.”

9. “Thưa ngài Nāgasena, cửa tiệm thuốc bất tử của đức Phật Thế Tôn là cái nào?”

“Tâu đại vương, thuốc bất tử đã được đức Thế Tôn nói đến, với thuốc bất tử này đức Thế Tôn ấy rưới rắc cho thế gian luôn cả chư Thiên, do đã được rưới rắc với thuốc bất tử này, chư Thiên và nhân loại đã được giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Thuốc bất tử ấy là cái nào? Tức là niệ đặt ở thân. Tâu đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn, vị Trời vượt trội các vị Trời, nói đến: **‘Này các tỳ khưu, những người nào thọ hưởng niệ đặt ở thân, những người ấy thọ hưởng sự bất tử.’** Tâu đại vương, cái này được gọi là ‘cửa tiệm bất tử của đức Thế Tôn.’

‘Sau khi nhìn thấy loài người bị bệnh, Ngài đã bày ra cửa hàng thuốc bất tử. Này các tỳ khưu, các người hãy mua vật ấy bằng nghiệp (thiện) và hãy nhận lấy thuốc bất tử.’

10. “Thưa ngài Nāgasena, cửa tiệm châu báu của đức Phật Thế Tôn là cái nào?”

“Tâu đại vương, các châu báu đã được đức Thế Tôn nói đến. Được trang điểm với các châu báu này, những người con trai của đức Thế Tôn chiếu sáng, soi sáng, tỏa sáng, rực sáng, phát sáng ở thế gian luôn cả chư Thiên, phô bày ánh sáng ở hướng trên, ở hướng dưới, ở hướng ngang. Các châu báu ấy là các loại nào? Giới báu, định báu, tuệ báu, giải thoát báu, trí tuệ và nhận thức về sự giải thoát báu, các tuệ phân tích báu, các giác chi báu.

Tâu đại vương, giới báu của đức Thế Tôn là cái nào? Giới của sự thu thúc theo giới bốn *Pātimokkha*, giới của sự thu thúc ở các quyền, giới của sự trong sạch về nuôi mạng, giới liên quan đến các vật dụng, giới nhỏ, giới trung, giới lớn, giới của Đạo, giới của Quả. Tâu đại vương, thế gian luôn cả chư Thiên, cùng với Ma Vương, Phạm Thiên, và các dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn đều ước muốn, mong cầu người đã được trang sức với châu báu của giới.

Sīlaratanapiladdho¹ kho mahārāja bhikkhu disampi anudisampi uddhampi adhopi tiriyaampi viroceti atiroceti,² heṭṭhato avīciṃ uparito bhavaggaṃ upādāya etthantare sabbaratanāni atikkamivā atisayivā³ ajjhottharivā tiṭṭhati. Evarūpāni kho mahārāja sīlaratanāni bhagavato ratanāpaṇe pasāritāni. Idaṃ vuccati mahārāja 'bhagavato sīlaratanan' ti.

Evarūpāni sīlāni santi buddhassa āpaṇe,
kammena taṃ kiṇitvāna ratanaṃ vo pilandhathā 'ti.

11. Katamaṃ mahārāja bhagavato samādhiratanam? Savitakkasavicāro samādhi, avitakkavicāramatto samādhi, avitakka-avicāro samādhi, suññato samādhi, animitto samādhi, appaṇihito samādhi. Samādhiratanam kho mahārāja piladdhassa⁴ bhikkhuno ye te kāmavitakkā byāpādavitakkā vihiṃsavitakkā mānuddhacca-diṭṭhi-vicikicchā kilesavatthūni vividhāni ca kuvitakkāni te sabbe samādhiṃ āsajja vikiranti vidhamanti viddhaṃsanti na saṅṭhahanti⁵ na upalippanti.⁶ Yathā mahārāja vāri pokkharapatte vikiranti vidhamati viddhaṃsati na saṅṭhāti na upalippati. Taṃ kissa hetu? Parisuddhattā padumassa. Evameva kho mahārāja samādhiratanam piladdhassa bhikkhuno ye te kāmavitakkavyāpādavitakkavihiṃsa-vitakka-mānuddhaccadiṭṭhivicikicchā kilesavatthūni vividhāni ca kuvitakkāni te sabbe samādhiṃ āsajja vikiranti vidhamanti viddhaṃsanti na saṅṭhahanti na upalippanti. Taṃ kissa hetu? Parisuddhattā samādhissa. Idaṃ vuccati mahārāja 'bhagavato samādhiratanan' ti. Evarūpāni kho mahārāja samādhiratanāni bhagavato ratanāpaṇe pasāritāni.

Samādhiratanamālassa kuvitakkā na jāyare,
na ca vikkhipate cittaṃ etaṃ tumhe pilandhathā 'ti.

12. Katamaṃ mahārāja bhagavato paññāratanam? Yāya mahārāja paññāya ariyasāvako 'idaṃ kusalan' ti yathābhūtaṃ pajānāti, 'idaṃ akusalan' ti yathābhūtaṃ pajānāti, 'idaṃ sāvajjaṃ idaṃ anavajjaṃ idaṃ sevitabbaṃ idaṃ na sevitabbaṃ idaṃ hīnaṃ idaṃ paṇītaṃ idaṃ kaṇhaṃ idaṃ sukkaṃ idaṃ kaṇhasukkasappaṭibhāgan' ti yathābhūtaṃ pajānāti, 'idaṃ dukkhan' ti yathābhūtaṃ pajānāti, 'ayaṃ dukkhasamudayo' ti yathābhūtaṃ pajānāti, 'ayaṃ dukkhanirodho' ti yathābhūtaṃ pajānāti, 'ayaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā' ti yathābhūtaṃ pajānāti. Idaṃ vuccati mahārāja 'bhagavato paññāratanan' ti.

Paññāratanamālassa na ciraṃ vattate bhavo,
khippaṃ phasseti amataṃ na ca so rocate bhavo 'ti.

13. Katamaṃ mahārāja bhagavato vimuttiratanam? Vimutti-ratananti⁷ kho mahārāja arahattaṃ vuccati, arahattaṃ patto kho mahārāja bhikkhu vimuttiratanam piladdho 'ti vuccati.

¹ pilandho - Ma, PTS, Sīmu.

² ativiroceti - Ma.

³ abhibhavivā - Ma.

⁴ pilandhassa - Ma, PTS, Sīmu.

⁵ saṅṭhanti - Ma, PTS.

⁶ upalippati - Ma.

⁷ vimuttiratanam - Ma.

Tâu đại vương, được chung diện với châu báu của giới, vị tỳ khưu chiếu sáng, chiếu chói lọi ở hướng chính, hướng phụ, hướng trên, hướng dưới, hướng ngang. Vị ấy vượt qua, ngự trên, nhấn chìm tất cả các châu ngọc ở trong khoảng giữa, tính từ phía dưới là địa ngục Vô Gián từ phía trên là cõi cao nhất, rồi đứng lại. Tâu đại vương, các giới báu có hình thức như thế được chung bày ở cửa tiệm châu báu của đức Thế Tôn. Tâu đại vương, cái này được gọi là ‘giới báu của đức Thế Tôn.’

‘Các giới có hình thức như thế hiện diện ở cửa tiệm của đức Phật. Các người hãy mua châu báu ấy bằng nghiệp (thiện), và hãy chung diện.’

11. Tâu đại vương, định báu của đức Thế Tôn là cái nào? Tâu đại vương, định có tầm có tứ, định không tầm chỉ có tứ, định không tầm không tứ, định không tánh, định vô tướng, định vô nguyện. Tâu đại vương, đối với vị tỳ khưu chung diện định báu, các suy nghĩ về (ngũ) dục, các suy nghĩ về oán hận, các suy nghĩ về hãm hại, ngã mạn, phóng dật, tà kiến, hoài nghi, các nền tảng của phiền não, và nhiều loại suy nghĩ xấu xa, tất cả chúng sau khi tiếp cận với định thì phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, không trụ lại, không đeo bám. Tâu đại vương, giống như nước ở lá sen thì phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, không trụ lại, không đeo bám. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Vì tính chất trong sạch của cây sen. Tâu đại vương, tương tự y như thế đối với vị tỳ khưu chung diện định báu, các suy nghĩ về (ngũ) dục, các suy nghĩ về oán hận, các suy nghĩ về hãm hại, ngã mạn, phóng dật, tà kiến, hoài nghi, các nền tảng của phiền não, và nhiều loại suy nghĩ xấu xa, tất cả chúng sau khi tiếp cận với định thì phân tán, tiêu tan, tiêu hoại, không trụ lại, không đeo bám. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Vì tính chất trong sạch của định. Tâu đại vương, cái này được gọi là ‘định báu của đức Thế Tôn.’ Tâu đại vương, các định báu có hình thức như thế được chung bày ở cửa tiệm châu báu của đức Thế Tôn.

‘Đối với vị có tràng hoa là định báu, các suy nghĩ xấu xa không sanh lên, và tâm không bị tán loạn, các người hãy chung diện vật ấy.’

12. Tâu đại vương, tuệ báu của đức Thế Tôn là cái nào? Tâu đại vương, với tuệ nào vị Thánh đệ tử nhận biết đúng theo thực thể rằng: ‘Cái này là thiện,’ nhận biết đúng theo thực thể rằng: ‘Cái này là bất thiện,’ nhận biết đúng theo thực thể rằng: ‘Cái này là có tội, cái này là không có tội, cái này là nên thực hành, cái này là không nên thực hành, cái này là thấp kém, cái này là hảo hạng, cái này là đen, cái này là trắng, cái này có sự lẫn lộn giữa đen và trắng,’ nhận biết đúng theo thực thể rằng: ‘Đây là Khổ,’ nhận biết đúng theo thực thể rằng: ‘Đây là nhân sanh Khổ,’ nhận biết đúng theo thực thể rằng: ‘Đây là sự diệt tận Khổ,’ nhận biết đúng theo thực thể rằng: ‘Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận Khổ.’ Tâu đại vương, cái này được gọi là ‘tuệ báu của đức Thế Tôn.’

‘Đối với vị có tràng hoa là tuệ báu, sự hiện hữu không xoay chuyển lâu dài. Vị ấy mau chóng chạm đến Bất Tử, và không thích thú ở sự hiện hữu.’

13. Tâu đại vương, giải thoát báu của đức Thế Tôn là cái nào? Tâu đại vương, ‘giải thoát báu’ được gọi là phẩm vị A-la-hán. Tâu đại vương, vị tỳ khưu đã đạt đến phẩm vị A-la-hán được gọi là ‘chung diện giải thoát báu.’

Yathā mahārāja puriso muttākalāpa-maṇi-kanaka-pavāḷābharāṇa-patimaṇḍito akalu¹tagara-tālisaka-lohitacandanānulitta-gatto nāga-punnāga²-salāḷa-campaka-yūthikātimuttaka-pāṭaluppala-vassika-mallikā-vicitto sesajane atikkamivā virocati atirocati obhāsati pabhāsati sampabhāsati jalati pajjalati abhibhavati ajjhottharati mālāgandharatanābharāṇehi. Evameva kho mahārāja arahattaṃ patto khīṇāsavo vimuttiratanapiladdho upādāyupādāya vimuttānaṃ bhikkhūnaṃ atikkamivā samatikkamivā virocati atirocati obhāsati³ sampabhāsati jalati pajjalati abhibhavati ajjhottharati vimuttiyā. Taṃ kissa hetu? Aggaṃ mahārāja etaṃ pilandhanaṃ sabbapilandhanānaṃ yadidaṃ vimutti-pilandhanaṃ. Idaṃ vuccati mahārāja ‘bhagavato vimuttiratanan ’ti.

Maṇimālādharāṃ gehajano sāmim udikkhati,
vimuttiratanamālantu udikkhanti sadevakā ’ti.

14. Katamaṃ mahārāja bhagavato vimuttiñāṇadassanaratanāṃ? Paccavekkhanañāṇaṃ mahārāja bhagavato vimuttiñāṇadassanaratanan ’ti vuccati, yena ñāṇena ariyasāvako maggaphalanibbānāni pahīna-kilesāvasiṭṭhakilese ca paccavekkhati.

“Yena ñāṇena bujjhanti ariyā katakiccatāṃ,
taṃ ñāṇaratanāṃ laddhuṃ vāyametha jinorasā ’ti.

15. Katamaṃ mahārāja bhagavato paṭisambhidāratanaṃ? Catasso kho mahārāja paṭisambhidāyo atthapaṭisambhidā dhammapaṭisambhidā niruttipaṭisambhidā paṭibhānapaṭisambhidā ’ti. Imehi kho mahārāja catūhi paṭisambhidāratanehi samalaṅkato bhikkhu yaṃ yaṃ parisāṃ upasaṅkamati, yadi khattiyaparisaṃ yadi brāhmaṇaparisaṃ yadi gahapati-parisaṃ yadi samaṇaparisaṃ, visārado upasaṅkamati amaṅkubhūto abhīru acchambhī anutrāsī vigatalomahaṃso parisāṃ upasaṅkamati. Yathā mahārāja yodho saṅgāmasūro sannaddhapañcāvudho asambhīto⁴ saṅgāmaṃ otarati ‘sace amittā dūre bhavissanti usunā pātayissāmi, tato orato bhavissanti sattiyā paharissāmi, tato orato bhavissanti kaṇayena paharissāmi, upagataṃ santaṃ maṇḍalaggena dvidhā chindissāmi, kāyūpagataṃ churikāya vijjhissāmi ’ti.⁵ Evameva kho mahārāja catupaṭisambhidāratanaṃ patito bhikkhu asambhīto parisāṃ upasaṅkamati ‘yo koci maṃ atthapaṭisambhīde pañhaṃ pucchissati, tassa atthena atthaṃ kathayissāmi, kāraṇena kāraṇaṃ kathayissāmi, hetunā hetuṃ kathayissāmi, nayena nayamaṃ kathayissāmi, nissamaṃsayamaṃ karissāmi, vimatiṃ vivecessāmi, tosayissāmi pañhaveyyākaraṇena.

¹ agalu - Ma.

² punnāgasāla - Ma, PTS.

³ obhāsati pabhāsati - Ma, PTS.

⁴ acchambhīto - Ma, evaṃ sabbattha.

⁵ vinivijjhissāmi ti - Ma, PTS.

Tâu đại vương, giống như người đàn ông, được trang điểm với đồ trang sức là râu chuỗi ngọc trai, ngọc ma-ni, vàng, san hô, thân thể được thoa với dầu thơm của các cây *tagara*, *tālisa*, và trầm hương đỏ, được điểm tô với các loại hoa hoa lim, hoa nguyệt quế, hoa *salala*, hoa cày, hoa nhài vàng, hoa *atimuttaka*, hoa vòi voi, hoa sen, hoa nhài trâu, hoa nhài Ả-rập, thì vượt trội, chiếu sáng, chói sáng, soi sáng, tỏa sáng, lóa sáng, rực sáng, phát sáng, ngự trị, nhấn chìm những người còn lại bằng các đồ trang sức là vòng hoa, hương thơm, và châu báu. Tâu đại vương, tương tự y như thế vị đã đạt đến phẩm vị A-la-hán, có lậu hoặc đã cạn kiệt, được chứng diện giải thoát báu, so với các tỳ khưu đã được giải thoát có liên quan điều này điều khác, thì vượt trội, vượt lên, chiếu sáng, chói sáng, soi sáng, lóa sáng, rực sáng, phát sáng, ngự trị, nhấn chìm với sự giải thoát (của bản thân). Điều ấy có nguyên nhân là gì? Tâu đại vương, vật chứng diện này là tối thắng trong số tất cả các vật chứng diện, tức là giải thoát báu. Tâu đại vương, cái này được gọi là ‘giải thoát báu của đức Thế Tôn.’

‘Người (làm công) trong nhà ngược nhìn người chủ đang mang tràng hoa có ngọc ma-ni, còn thế gian có cả chư Thiên ngược nhìn tràng hoa có giải thoát báu.’

14. Tâu đại vương, trí tuệ và nhận thức về sự giải thoát báu của đức Thế Tôn là cái nào? Tâu đại vương, trí về việc quán xét lại được gọi là ‘trí tuệ và nhận thức về sự giải thoát báu’ của đức Thế Tôn, nhờ vào trí ấy vị Thánh đệ tử quán xét lại Đạo, Quả, Niết Bàn, các phiền não đã dứt bỏ và các phiền não còn sót lại.

‘Nhờ vào trí nào, các bậc Thánh biết rõ trạng thái đã hoàn thành phận sự, hồi những người con của đấng Chiến Thắng, hãy tinh tấn để đạt được châu báu trí tuệ ấy.’

15. Tâu đại vương, tuệ phân tích báu của đức Thế Tôn là cái nào? Tâu đại vương, là bốn tuệ phân tích là ‘tuệ phân tích về ý nghĩa, tuệ phân tích về pháp, tuệ phân tích về ngôn từ, tuệ phân tích về phép biện giải.’ Tâu đại vương, được trang điểm với bốn tuệ phân tích báu này, vị tỳ khưu đi đến mỗi một tập thể nào, dầu là tập thể Sát-đế-ly, hay tập thể Bà-la-môn, hay tập thể gia chủ, hay tập thể Sa-môn, đều đi đến với sự tự tin, không có trạng thái hổ thẹn, không nhút nhát, không hãi sợ, không hốt hoảng, đi đến tập thể không bị lòng nổi ốc. Tâu đại vương, giống như người chiến sĩ, anh hùng của chiến trận, đã vũ trang năm loại vũ khí, không kinh sợ, lao vào chiến trận (nghĩ rằng): ‘Nếu các quân địch ở xa, ta sẽ hạ gục bằng mũi tên, kể đó gần hơn nữa thì ta sẽ đánh bằng cây lao, kể đó gần hơn nữa thì ta sẽ đánh bằng cây thương, với kẻ đang tiến đến gần thì ta sẽ chém làm hai bằng cây kiếm lưỡi cong, còn kẻ đã đến sát bên thân thì ta sẽ đâm thủng bằng cây dao.’ Tâu đại vương, tương tự y như thế vị tỳ khưu được trang sức với bốn tuệ phân tích đi vào tập thể không kinh sợ (nghĩ rằng): ‘Bất cứ người nào hỏi ta câu hỏi về phân tích ý nghĩa, đối với người ấy ta sẽ thuyết giảng về ý nghĩa bằng ý nghĩa, ta sẽ thuyết giảng về lý do bằng lý do, ta sẽ thuyết giảng về nguyên nhân bằng nguyên nhân, ta sẽ thuyết giảng về phương pháp bằng phương pháp, ta sẽ làm cho không còn nghi ngờ, ta sẽ cô lập sự phân vân, ta sẽ làm cho hoan hỷ bằng sự giải thích câu hỏi.’

Yo koci maṃ dhammapaṭisambhīde pañhaṃ pucchissati, tassa dhammena dhammaṃ kathayissāmi, amatena amataṃ kathayissāmi, asaṅkhatena asaṅkhatam kathayissāmi, nibbānena nibbānam kathayissāmi, suññatāya suññatam kathayissāmi, animittena animittam kathayissāmi, appanihitena appanihitam kathayissāmi, anejena anejam kathayissāmi, nissamsayam karissāmi, vimatiṃ vivecessāmi, tosayissāmi pañhaveyyākaraṇena.

Yo koci maṃ niruttipaṭisambhīde pañhaṃ pucchissati, tassa niruttiyā niruttiṃ kathayissāmi, padena padaṃ kathayissāmi, anupadena anupadam kathayissāmi, akkharena akkharam kathayissāmi, sandhiyā sandhiṃ kathayissāmi, byañjanena byañjanam kathayissāmi, anubyañjanena anubyañjanam kathayissāmi, vaṇṇena vaṇṇam kathayissāmi, sarena saram kathayissāmi, paññattiyā paññattiṃ kathayissāmi, vohārena voharam kathayissāmi, nissamsayam karissāmi, vimatiṃ vivecessāmi, tosayissāmi pañhaveyyākaraṇena.

Yo koci maṃ paṭibhānapaṭisambhīde pañhaṃ pucchissati, tassa paṭibhānena paṭibhānam kathayissāmi, opammena opammaṃ kathayissāmi, lakkhaṇena lakkhaṇam kathayissāmi, rasena rasam kathayissāmi, nissamsayam karissāmi, vimatiṃ vivecessāmi, tosayissāmi pañhaveyyākaraṇenā 'ti. Idam vuccati mahārāja 'bhagavato paṭisambhidāratanaṃ 'ti.

Paṭisambhidā kiṇitvāna ñāṇena phassayeyya yo,
asambhito anubbiggo atirocati sadevake 'ti.

16. Katamaṃ mahārāja bhagavato bojjhaṅgaratanam? Sattime mahārāja bojjhaṅgā satisambojjhaṅgo dhammavicayasambojjhaṅgo viriyasambojjhaṅgo pītisambojjhaṅgo passaddhisambojjhaṅgo samādhisambojjhaṅgo upekhāsambojjhaṅgo 'ti. Imehi kho mahārāja sattahi sambojjhaṅgaratanehi patimaṇḍito bhikkhu sabbam tamam abhibhuyya sadevakam lokam obhāseti pabhāseti ālokam janeti. Idam vuccati mahārāja 'bhagavato bojjhaṅgaratanaṃ 'ti.

Bojjhagaratanamālassa utṭhahanti¹ sadevakā,
kammena tam kiṇitvāna ratanam vo pilandhathā "ti.

17. "Bhante nāgasena katamaṃ buddhassa bhagavato sabbāpaṇaṃ "ti?

"Sabbāpaṇam kho mahārāja bhagavato navaṅgam buddhavacanam, sārīrikāni pāribhogikāni cetiyāni, saṅgharatanañca. Sabbāpaṇe mahārāja bhagavatā jātisampatti pasāritā, bhogasampatti pasāritā, āyusampatti pasāritā, ārogyasampatti pasāritā, vaṇṇasampatti pasāritā, paññāsampatti pasāritā, mānusikasampatti pasāritā, dibbasampatti pasāritā, nibbānasampatti pasāritā.

¹ udikkhanti - Syā; upaṭṭhanti - Ka.

Bất cứ người nào hỏi ta câu hỏi về phân tích pháp, đối với người ấy ta sẽ thuyết giảng về pháp bằng pháp, ta sẽ thuyết giảng về Bát Tử bằng Bát Tử, ta sẽ thuyết giảng về không tạo tác bằng không tạo tác, ta sẽ thuyết giảng về Niết Bàn bằng Niết Bàn, ta sẽ thuyết giảng về không tánh bằng không tánh, ta sẽ thuyết giảng về vô tướng bằng vô tướng, ta sẽ thuyết giảng về vô nguyện bằng vô nguyện, ta sẽ thuyết giảng về bất động bằng bất động, ta sẽ làm cho không còn nghi ngờ, ta sẽ cô lập sự phân vân, ta sẽ làm cho hoan hỷ bằng sự giải thích câu hỏi.

Bất cứ người nào hỏi ta câu hỏi về phân tích ngôn từ, đối với người ấy ta sẽ thuyết giảng về ngôn từ bằng ngôn từ, ta sẽ thuyết giảng về đoạn kệ đầu bằng đoạn kệ đầu, ta sẽ thuyết giảng về đoạn kệ kế tiếp bằng đoạn kệ kế tiếp, ta sẽ thuyết giảng về âm bằng âm, ta sẽ thuyết giảng về nối âm bằng nối âm, ta sẽ thuyết giảng về phụ âm bằng phụ âm, ta sẽ thuyết giảng về hòa âm bằng hòa âm, ta sẽ thuyết giảng về hình thức bằng hình thức, ta sẽ thuyết giảng về nguyên âm bằng nguyên âm, ta sẽ thuyết giảng về khái niệm bằng khái niệm, ta sẽ thuyết giảng về tên gọi bằng tên gọi, ta sẽ làm cho không còn nghi ngờ, ta sẽ cô lập sự phân vân, ta sẽ làm cho hoan hỷ bằng sự giải thích câu hỏi.

Bất cứ người nào hỏi ta câu hỏi về phân tích phép biện giải, đối với người ấy ta sẽ thuyết giảng về phép biện giải bằng phép biện giải, ta sẽ thuyết giảng về ví dụ bằng ví dụ, ta sẽ thuyết giảng về tướng trạng bằng tướng trạng, ta sẽ thuyết giảng về phẩm chất bằng phẩm chất, ta sẽ làm cho không còn nghi ngờ, ta sẽ cô lập sự phân vân, ta sẽ làm cho hoan hỷ bằng sự giải thích câu hỏi. Tâu đại vương, cái này được gọi là ‘các tuệ phân tích báu của đức Thế Tôn.’

‘Sau khi mua các tuệ phân tích, nhờ vào trí vị nào có thể chạm đến, thì (vị ấy) không kinh sợ, không xao động, chói sáng thế gian luôn cả chư Thiên.’

16. Tâu đại vương, giác chi báu của đức Thế Tôn là cái nào? Tâu đại vương, có bảy giác chi này là: ‘Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, cần giác chi, hỷ giác chi, tịnh giác chi, định giác chi, xả giác chi.’ Tâu đại vương, được trang điểm với bảy giác chi báu này, vị tỷ khuru chế ngự mọi sự tối tăm, soi sáng, tỏa sáng, thế gian luôn cả chư Thiên, và làm sanh lên ánh sáng. Tâu đại vương, cái này được gọi là ‘giác chi báu của đức Thế Tôn.’

‘Thế gian luôn cả chư Thiên đều đứng dậy (chào) đối với người có tràng hoa là giác chi báu. các người hãy mua châu báu ấy bằng nghiệp (thiện), và hãy chưng diện.’

17. “Thưa ngài Nāgasena, cửa tiệm tổng hợp của đức Phật Thế Tôn là cái nào?”

“Tâu đại vương, cửa tiệm tổng hợp của đức Thế Tôn có lời dạy của đức Phật gồm chín thể loại, các xá-lợi, các vật dụng, các bảo tháp, và Hội Chúng báu. Tâu đại vương, do đức Thế Tôn ở cửa tiệm tổng hợp sự thành tựu về sanh chúng được chung bày, sự thành tựu về của cải được chung bày, sự thành tựu về tuổi thọ được chung bày, sự thành tựu về không bệnh được chung bày, sự thành tựu về sắc đẹp được chung bày, sự thành tựu về tuệ được chung bày, sự thành tựu về cõi người được chung bày, sự thành tựu về cõi trời được chung bày, sự thành tựu về Niết Bàn được chung bày.

Tattha ye taṃ taṃ sampattiṃ icchanti, te kammamūlaṃ datvā patthita-patthitaṃ sampattiṃ kiṇanti. Keci sīlasamādānena kiṇanti, keci uposathakammena kiṇanti, appamattakenapi kammamūlena upādāyupādāya sampattiyo paṭilabhanti. Yathā mahārāja āpaṇikassa āpaṇe tilamuggamāse parittakenapi taṇḍulamuggamāsenā appakenapi mūlena upādāyupādāya gaṇhanti. Evameva kho mahārāja bhagavato sabbāpaṇe appamattakenapi kammamūlena upādāyupādāya sampattiyo paṭilabhanti. Idaṃ vuccati mahārāja 'bhagavato sabbāpaṇan 'ti.

Āyu arogatā vaṇṇaṃ saggamaṃ uccākulinatā,
asankhatañca amataṃ atthi sabbāpaṇe jine.

Appena bahukenāpi kammamūlena gayhati,
kiṇitvā saddhāmūlena samiddhā hotha bhikkhavo 'ti.

18. Bhagavato kho mahārāja dhammanagare evarūpā janā paṭivasanti suttantikā venayikā ābhidhammikā dhammakathikā jātakabhāṇakā dīghabhāṇakā majjhimbhāṇakā saṃyuttabhāṇakā aṅguttarabhāṇakā khuddakabhāṇakā sīlasampannā samādhisampannā paññāsampannā bojjhaṅgabhāvanārātā vipassakā sadatthamanuyuttā āraññikā rukkhāmūlikā abbhokāsikā palālapuñjakā sosānikā nesajjikā paṭipannakā phalattḥā sekhā phalasamaṅgino sotāpannā sakadāgāmino anāgāmino arahanto tevijjā chaḷabhiññā iddhipāda-indriyabala-bojjhaṅga-maggavara-jhāna-vimokkha-rūpārūpa-santasukhasamāpattikusalā, tehi arahantehi ākulaṃ samākulaṃ ākiṇṇaṃ samākiṇṇaṃ naḷavana-saravanamiva dhammanagaraṃ ahoṣi. Bhavatiha:

'Vitarāgā vītadosā vītamohā anāsavā,
vītataṇhā anādānā dhammanagare vasanti te.

Āraññakā dhutadharā jhāyino lūkhacīvarā,
vivekābhiratā dhīrā dhammanagare vasanti te.

Nesajjikā santhatikā atho 'pi ṭhānacaṅkamā,
paṃsukūladharā sabbe dhammanagare vasanti te.

Ticīvaradharā santā cammakhaṇḍacatutthikā,¹
ratā ekāsane viññū dhammanagare vasanti te.

Appicchā nipakā dhīrā appāhārā alolupā,
lābhālābhena santuṭṭhā dhammanagare vasanti te.

¹ catutthakā - Ma, PTS.

Tại nơi ấy, những người nào ước muốn sự thành tựu này hay sự thành tựu nọ, những người ấy sau khi trao ra tiền vốn là nghiệp (thiện) rồi mua lấy sự thành tựu đã được mong mỏi thế này thế nọ. Nhiều người mua bằng sự thọ trì giới, nhiều người mua bằng việc hành trì trai giới, rồi nhận được các sự thành tựu tùy theo từng phần tiền vốn là nghiệp (thiện) ít ỏi. Tàu đại vương, giống như ở cửa tiệm của người chủ tiệm có các loại mè, đậu *mugga*, đậu *māsa*, những người ấy mua gạo, đậu *mugga*, đậu *māsa*, với số lượng chút ít tùy theo từng phần tiền vốn ít ỏi. Tàu đại vương, tương tự y như thế ở cửa tiệm tổng hợp của đức Thế Tôn, những người ấy nhận được các sự thành tựu tùy theo từng phần tiền vốn là nghiệp (thiện) ít ỏi. Tàu đại vương, cái này được gọi là ‘cửa tiệm tổng hợp của đức Thế Tôn.’

‘Tuổi thọ, sự không bệnh, sắc đẹp, cõi trời, việc có được gia tộc cao sang, và sự không tạo tác, sự Bất Tử là có ở cửa hàng tổng hợp, ở đấng Chiến Thắng.

Được nhận lấy ít hay nhiều tùy theo phần tiền vốn là nghiệp (thiện). Nay các tỳ khưu, sau khi mua bằng tiền vốn là đức tin, các người hãy được thành tựu.’

18. Tàu đại vương, ở thành phố Giáo Pháp của đức Thế Tôn có những người như thế này sinh sống: Các vị chuyên về Kinh, các vị chuyên về Luật, các vị chuyên về Abhidhamma, các vị thuyết giảng về Pháp, các vị trì tụng Bốn Sanh, các vị trì tụng Trường Bộ, các vị trì tụng Trung Bộ, các vị trì tụng Tương Ưng, các vị trì tụng Tăng Chi, các vị trì tụng Tiểu Bộ, các vị đầy đủ giới, các vị đầy đủ định, các vị đầy đủ tuệ, các vị thích thú việc tu tập các giác chi, các vị hành Minh Sát, các vị gắn liền với mục đích của mình, các vị ngụ ở rừng, các vị ngụ ở gốc cây, các vị ngụ ở ngoài trời, các vị ngụ ở đồng rơm, các vị ngụ ở mộ địa, các vị (hành pháp) về oai nghi ngồi (không nằm), các vị đã tiến đến (Đạo), các vị đã trú ở Quả, các vị Hữu Học đã đạt được Quả vị, các vị Nhập Lưu, các vị Nhất Lai, các vị Bất Lai, các vị A-la-hán có ba Minh, có sáu Thắng Trí, có thần thông, đã đạt đến sự toàn hảo về tuệ, thiện xảo về sự thiết lập niệm, chánh tinh tấn, nền tảng của thần thông, quyền, lực, giác chi, Đạo, thiền, giải thoát, sắc và vô sắc, về việc thể nhập vào sự tịch tịnh và an lạc. Thành phố Giáo Pháp đã là đông đúc, đầy đặc, chen chúc, tràn ngập với các vị A-la-hán ấy, tựa như rừng sậy hay rừng mía đường. Ở đây có:

‘Các vị có luyện ái đã lìa, có sân đã lìa, có si đã lìa, không còn lậu hoặc, có tham ái đã lìa, không còn chấp thủ, các vị ấy sống ở thành phố Giáo Pháp.

Các vị ngụ ở rừng, duy trì pháp từ khước, chứng thiền, có y thô xấu, thỏa thích sự cô độc, sáng suốt, các vị ấy sống ở thành phố Giáo Pháp.

Các vị giữ oai nghi ngồi, ngụ chỗ được chỉ định, đứng và đi kinh hành, tất cả đều mang y may bằng vải quăng bỏ, các vị ấy sống ở thành phố Giáo Pháp.

Các vị sử dụng ba y, thanh tịnh, có mảnh da thú là vật thứ tư, thích thú việc (thọ thực) một chỗ ngồi, hiểu biết, các vị ấy sống ở thành phố Giáo Pháp.

Các vị ít ham muốn, chín chắn, sáng suốt, (thọ) chút ít vật thực, không tham lam, hài lòng với việc có hay không có, các vị ấy sống ở thành phố Giáo Pháp.

Jhāyī jhānaratā dhīrā santacittā samāhitā,
ākiñcaññaṃ patthayānā dhammanagare vasanti te.

Paṭipannā phalaṭṭhā ca sekhā phalasamaṅgino,
āsimsakā¹ uttamatthaṃ dhammanagare vasanti te.

Sotāpannā ca vimalā sakadāgāmino ca ye,
anāgāmī ca arahanto dhammanagare vasanti te.

Satipaṭṭhānakusalā bojjaṅgabhāvanāratā,
vipassakā dhammadharā dhammanagare vasanti te.

Iddhipādesu kusalā samādhībhāvanāratā,
sammappadhānamanuyuttā dhammanagare vasanti te.

Abhiññāpāramippattā pettike gocare ratā,
antalikkhamhi caraṇā dhammanagare vasanti te.

Okkhittacakkhū mitabhāṇī guttadvārā susaṃvutā,
sudantā uttame dhamme² dhammanagare vasanti te.

Tevijjā chaḷabhiññā ca iddhiyā pāramiṃ gatā,
paññāya pāramippattā dhammanagare vasanti te 'ti.

19. Ye kho mahārāja bhikkhū aparimitaññaṇavaradharā asaṅgā atuliyaguṇā³ atulayasā atulabalā atulatejā dhammacakkānuppavattakā paññāpāramiṃ gatā, evarūpā kho mahārāja bhikkhū bhagavato dhammanagare 'dhammasenāpatino 'ti vuccanti.

Ye pana te mahārāja bhikkhū iddhimanto adhigatapaṭisambhidā pattavesārajjā gaganacarā durāsadā duppasahā anālambacarā sasāgara-mahīdhara-paṭhavi-kampakā candasuriya-parimajjakā vikubbaṇādhiṭṭhānābhinihārakusalā iddhiyā pāramiṃ gatā, evarūpā kho mahārāja bhikkhū bhagavato dhammanagare 'purohitā 'ti vuccanti.

Ye pana te mahārāja bhikkhū dhutaṅgamanugatā appicchā santuṭṭhā viññattīmanesanajigucchakā piṇḍāya sapadānacārino bhamarā 'va gandhamanughāyitvā pavisanti vivittakānanamaṃ kāye ca jīvite ca nirapekkhā arahattamanuppattā dhutaṅgaguṇe agganikkhattā, evarūpā kho mahārāja bhikkhū bhagavato dhammanagare 'akkhadassā 'ti vuccanti.

Ye pana te mahārāja bhikkhū parisuddhā vimalā nikkilesā cutūpapāta-kusalā dibbacakkhumhi pāramiṃ gatā, evarūpā kho mahārāja bhikkhū bhagavato dhammanagare 'nagarajotakā 'ti vuccanti.

¹ āsīsakā - Ma.

² damme - Ma.

³ atulaguṇā - Ma.

Các vị chứng thiên, thích thú với thiên, sáng suốt, có tâm thanh tịnh, được định tĩnh, có sự mong mỏi về cõi thiên Vô Sở Hữu, các vị ấy sống ở thành phố Giáo Pháp.

Các vị đã tiến đến (Đạo), đã trú ở Quả, là các bậc Hữu Học, đã đạt được Quả vị, là những vị mong mỏi mục đích tối thượng, các vị ấy sống ở thành phố Giáo Pháp.

Các vị Nhập Lưu, không vết nhơ, và các vị Nhất Lai, các vị Bất Lai, và các vị A-la-hán, các vị ấy sống ở thành phố Giáo Pháp.

Các vị thiện xảo về sự thiết lập niệ, thích thú việc tu tập các Giác chi, các vị hành Minh Sát, có sự duy trì Giáo Pháp, các vị ấy sống ở thành phố Giáo Pháp.

Các vị thiện xảo về các nền tảng của thần thông, thích thú việc tu tập định, gắn bó với chánh tinh tấn, các vị ấy sống ở thành phố Giáo Pháp.

Các vị đã đạt đến sự toàn hảo về các Thắng Trí, thích thú với hành xử của mình, có sự di chuyển ở không trung, các vị ấy sống ở thành phố Giáo Pháp.

Các vị có mắt nhìn xuống, nói năng chừng mực, có các giác quan được canh phòng, khéo thu thúc, đã được huấn luyện tốt đẹp ở Giáo Pháp tối thượng, các vị ấy sống ở thành phố Giáo Pháp.

Các vị có ba Minh, và sáu Thắng Trí, đã đi đến sự toàn hảo của thần thông, đã đạt được sự toàn hảo về tuệ, các vị ấy sống ở thành phố Giáo Pháp.'

19. Tàu đại vương, những vị tỳ khưu nào có sự gìn giữ trí cao quý không đo lường được, không bị ràng buộc, có đức hạnh không thể so sánh, có danh vọng không so sánh được, có năng lực không so sánh được, có vinh quang không so sánh được, là các vị tiếp tục chuyển vận bánh xe Giáo Pháp, đã đi đến sự toàn hảo về tuệ, tàu đại vương, những vị tỳ khưu như thế được gọi là 'các tướng quân Chánh Pháp' ở thành phố Giáo Pháp của đức Thế Tôn.

Tàu đại vương, hơn nữa những vị tỳ khưu nào có thần thông, có các tuệ phân tích đã được chứng đạt, có các sự tự tín đã được đạt đến, có sự di chuyển ở không trung, khó sánh bằng, khó khuất phục, di chuyển không cần vật để bám víu, làm rung động trái đất có biển và núi, có thể vượt ve mặt trăng và mặt trời, thiện xảo về biến hóa, về sự chú nguyện và phát nguyện, đã đi đến sự toàn hảo về thần thông, tàu đại vương, những vị tỳ khưu như thế được gọi là 'những vị quân sư' ở thành phố Giáo Pháp của đức Thế Tôn.

Tàu đại vương, hơn nữa những vị tỳ khưu nào đã theo đuổi các pháp từ khước, ít ham muốn, tự hoan hỷ, chán ghét sự yêu cầu và sự tầm cầu sai trái, đi khất thực theo từng nhà, tự như các con ong hút lấy hương hoa rồi đi vào khu rừng cô quạnh, không quan tâm đến thân thể và mạng sống, đã đạt được phẩm vị A-la-hán, đã được xem là tối thắng về đức hạnh của các pháp từ khước, tàu đại vương, những vị tỳ khưu như thế được gọi là 'những vị quan tòa' ở thành phố Giáo Pháp của đức Thế Tôn.

Tàu đại vương, hơn nữa những vị tỳ khưu nào thanh tịnh, không vết nhơ, không còn phiền não, thiện xảo về tứ sanh, đã đi đến sự toàn hảo về Thiên nhãn, tàu đại vương, những vị tỳ khưu như thế được gọi là 'những vị thấp sáng thành phố' ở thành phố Giáo Pháp của đức Thế Tôn.

Ye pana te mahārāja bhikkhū bahussutā āgatāgamā dhammadharā vinayadharā mātikāddharā sithila-dhanita-dīgha-rassa-garuka-lahukakkhara-paricchedakusalā navaṅgasāsanadharā, evarūpā kho mahārāja bhikkhū bhagavato dhammanagare ‘dhammarakkhā ’ti vuccanti.

Ye pana te mahārāja bhikkhū vinayaññū vinayakovidā nidānapaṭhanakusalā¹ āpatti-anāpatti-garuka²-satekiccha-atekiccha-vuṭṭhāna-desanā-niggaha-paṭikamma-osāraṇa-nissāraṇa-paṭisāraṇa-kusalā vinaye pāramiṃ gatā, evarūpā kho mahārāja bhikkhū bhagavato dhammanagare ‘rūpadakkhā ’ti³ vuccanti.

Ye pana te mahārāja bhikkhū vimuttivara-kusumamālā-baddhā varapavara-mahaggha-seṭṭha-bhāvamanuppattā bahujana-kantamabhipatthitā, evarūpā kho mahārāja bhikkhū bhagavato dhammanagare ‘pupphāpaṇikā ’ti vuccanti.

Ye pana te mahārāja bhikkhū catusaccābhisamayapaṭividdhā diṭṭhasaccā viññātasāsanā catusu sāmāññaphalesu tiṇṇavicikicchā paṭiladdha-phala-sukhā aññesampi paṭipannānaṃ te phale saṃvibhajanti, evarūpā kho mahārāja bhikkhū bhagavato dhammanagare ‘phalāpaṇikā ’ti vuccanti.

Ye pana te mahārāja bhikkhū sīlavarasugandhamanulittā⁴ anekavidha-bahugūṇadharā kilesamaladuggandhavidhamakā, evarūpā kho mahārāja bhikkhū bhagavato dhammanagare ‘gandhāpaṇikā ’ti vuccanti.

Ye pana te mahārāja bhikkhū dhammakāmā piyasamudāhārā abhidhamme abhivinaye ulārapāmojjā araññagatāpi rukkhamūlagatāpi suññāgāragatāpi dhammavararasaṃ pivanti, kāyena vācāya manasā dhammavararasaṃogāḷhā adhimattapaṭibhānā dhammesu dhammesana-paṭipannā ito vā tato vā yattha yattha appicchakathā santuṭṭhikathā pavivekakathā asaṃsaggakathā viriyārambhakathā sīlakathā samādhikathā paññākathā vimuttikathā vimuttiññāḍassanakathā vattate,⁵ tattha tattha gantvā taṃ taṃ kathārasaṃ pivanti, evarūpā kho mahārāja bhikkhū bhagavato dhammanagare ‘soṇḍā pipāsā ’ti vuccanti.

Ye pana te mahārāja bhikkhū pubbarattāpararattaṃ jāgariyānuyogamanuyuttā nisajjaṭṭhānacaṅkamehi rattindivaṃ vītināmenti⁶ bhāvanānuyogamanuyuttā kilesapaṭibāhanāya sadatthapasutā, evarūpā kho mahārāja bhikkhū bhagavato dhammanagare ‘nagaraguttikā ’ti vuccanti.

¹ ṭhānāṭṭhānakusalā - Ma.

² garuka-lahuka - Ma, PTS.

³ rūparakkhā - Ma.

⁴ sīlasaṃvaragandhamanulittā - Ma.

⁵ vattate - itisaddo Ma, PTS potthakesu natthi.

⁶ atināmenti - PTS.

Tâu đại vương, hơn nữa những vị tỳ khưu nào nghe nhiều, có Kinh điển được truyền thừa, có sự ghi nhớ về Pháp, có sự ghi nhớ về Luật, có sự ghi nhớ về các tiêu đề, thiện xảo về việc chia sẻ các âm là không gió hay có gió, dài hay ngắn, nặng hay nhẹ, có sự ghi nhớ về các lời giáo huấn gồm chín thể loại, tâu đại vương, những vị tỳ khưu như thế được gọi là ‘những vị bảo vệ Giáo Pháp’ ở thành phố Giáo Pháp của đức Thế Tôn.

Tâu đại vương, hơn nữa những vị tỳ khưu nào hiểu biết về Luật, thông thái về Luật, thiện xảo về phần mở đầu và phần đọc tụng, thiện xảo về sự phạm tội, sự không phạm tội, tội nặng có thể chữa trị hay không thể chữa trị, sự thoát tội, sự trình báo tội, sự khiển trách, sự sửa chữa, sự mời vào, sự đuổi ra, sự hòa giải, đã đi đến sự toàn hảo về Luật, tâu đại vương, những vị tỳ khưu như thế được gọi là ‘những vị thành thạo về nghi thức’ ở thành phố Giáo Pháp của đức Thế Tôn.

Tâu đại vương, hơn nữa những vị tỳ khưu nào được quàng vào tràng hoa gồm các bông hoa cao quý của sự giải thoát, đã đạt được bản thể cao quý, ưu tú, giá trị cao, đứng đầu, được yêu quý và mong mỏi của số đông người, tâu đại vương, những vị tỳ khưu như thế được gọi là ‘những người chủ tiệm hoa’ ở thành phố Giáo Pháp của đức Thế Tôn.

Tâu đại vương, hơn nữa những vị tỳ khưu nào đã được thấu triệt sự lãnh hội về bốn Sự Thật, đã nhìn thấy Sự Thật, đã nhận thức được Giáo Pháp, đã vượt qua các sự hoài nghi về bốn quả vị Sa-môn, đã đạt được an lạc của Quả vị, và chia phần những quả vị ấy cùng với những vị khác cũng đang thực hành, tâu đại vương, những vị tỳ khưu như thế được gọi là ‘những người chủ tiệm trái cây’ ở thành phố Giáo Pháp của đức Thế Tôn.

Tâu đại vương, hơn nữa những vị tỳ khưu nào được thoa hương thơm tốt đẹp cao quý của giới, mang nhiều đức hạnh đủ các loại, làm tiêu tan mùi thối của phiền não và ô nhiễm, tâu đại vương, những vị tỳ khưu như thế được gọi là ‘những người chủ tiệm hương liệu’ ở thành phố Giáo Pháp của đức Thế Tôn.

Tâu đại vương, hơn nữa những vị tỳ khưu nào yêu mến Giáo Pháp, có lời nói đáng yêu quý, có sự vui thích tột bậc ở Thắng Pháp, ở Thắng Luật, những vị đi vào rừng, đi đến cội cây, đi đến ngôi nhà trống vắng, uống vào vị nếm cao quý của Giáo Pháp, được thấm nhuần hương vị cao quý của Giáo Pháp bằng thân, bằng khẩu, và bằng ý, có tài biện giải tuyệt vời, đã thực hành sự tâm cầu về Pháp trong số các Pháp, từ nơi này hoặc từ nơi kia, ở nơi nào có sự thuyết giảng về ít ham muốn, thuyết giảng về sự tự hoan hỷ, thuyết giảng về sự tách ly, thuyết giảng về sự không kết giao, thuyết giảng về việc khởi sự tinh tấn, thuyết giảng về giới, thuyết giảng về định, thuyết giảng về tuệ, thuyết giảng về giải thoát, thuyết giảng về trí tuệ và nhận thức về sự giải thoát, sau khi đi đến nơi này nơi khác và uống vào từng hương vị của cuộc thuyết giảng, tâu đại vương, những vị tỳ khưu như thế được gọi là ‘những vị nghiện uống, có sự khao khát’ ở thành phố Giáo Pháp của đức Thế Tôn.

Tâu đại vương, hơn nữa những vị tỳ khưu nào đầu đêm và cuối đêm gắn bó với sự rèn luyện về tinh thức, trải qua đêm ngày với việc ngồi, đứng, và đi kinh hành, gắn bó với sự rèn luyện về việc phát triển (thiền), đang đeo đuổi mục đích của mình nhằm xua đuổi các phiền não, tâu đại vương, những vị tỳ khưu như thế được gọi là ‘những người canh giữ thành phố’ ở thành phố Giáo Pháp của đức Thế Tôn.

Ye pana te mahārāja bhikkhū navaṅgaṃ buddhavacanaṃ atthato ca byañjanato ca nayato ca kāraṇato ca hetuto ca udāharaṇato ca vācenti anuvācenti bhāsanti anubhāsanti, evarūpā kho mahārāja bhikkhū bhagavato dhammanagare ‘dhammāpaṇikā’ ti vuccanti.

Ye pana te mahārāja bhikkhū dhammaratanabhogena āgamapariyattisutabhogena bhogino dhanino nidditthasarabyañjanalakkhaṇapaṭivedhā viññū pharaṇā, evarūpā kho mahārāja bhikkhū bhagavato dhammanagare ‘dhammaseṭṭhino’ ti vuccanti.

Ye pana te mahārāja bhikkhū uḷāradesanāpaṭivedhā pariciṇṇārammaṇavibhatti-niddesā sikkhāguṇapāramippattā, evarūpā kho mahārāja bhikkhū bhagavato dhammanagare ‘vissutadhammikā’ ti vuccanti.

Evam suvibhattaṃ kho mahārāja bhagavato dhammanagaraṃ, evaṃ sumāpitaṃ, evaṃ suvihitaṃ, evaṃ superipūritaṃ, evaṃ suvatthāpitaṃ, evaṃ surakkhitaṃ, evaṃ sugopitaṃ, evaṃ duppasayaṃ paccatthikehi paccāmittehi. Iminā mahārāja kāraṇena iminā hetunā iminā nayena iminā anumānena ñātappaṃ ‘atthi so bhagavā’ ti.

‘Yathāpi nagaraṃ disvā suvibhattaṃ manoramaṃ,
anumānena jānanti vaḍḍhakissa mahattanaṃ.

Tatheva lokanāthassa disvā dhammapuraṃ varaṃ,
anumānena jānanti atthi so bhagavā iti.

Anumānena jānanti ummī¹ disvāna sāgare,
yathāyaṃ dissate ummī² mahanto so bhavissati.

Tathā buddhaṃ sokaṇudaṃ sabbatthamaparājitaṃ,
taṇhakkhayaṃanuppattaṃ bhavasamāsāramocanaṃ.

Anumānena ñātappaṃ ummī disvā sadevake,
yathā dhammumvipphāro aggo buddho bhavissati.

Anumānena jānanti disvā accuggataṃ girim,
yathā accuggato eso himavā so bhavissati.

Tathā disvā dhammagirim sītībhūtaṃ nirūpadhiṃ,
accuggataṃ bhagavato acalaṃ suppatiṭṭhitaṃ.

Anumānena ñātappaṃ disvāna dhammapabbataṃ,
tathā hi so mahāvīro aggo buddho bhavissati.

Yathā ‘pi gajarājassa padaṃ disvāna mānusā,
anumānena jānanti mahā eso gajo iti.

Tatheva buddhanāgassa padaṃ disvā vibhāvino,
anumānena jānanti uḷāro so bhavissati.

Anumānena jānanti bhīte disvāna kummige,
migarājassa saddena bhītā ‘me kummigā’ iti.

¹ ūmiṃ - Ma.

² ūmi - Ma.

Tâu đại vương, hơn nữa những vị tỳ khưu nào bảo đọc, bảo đọc theo, giảng giải, lập lại lời dạy của đức Phật gồm chín thể loại về ý nghĩa, về văn tự, về phương pháp, về lý do, về nguyên nhân, và về ví dụ, tâu đại vương, những vị tỳ khưu như thế được gọi là ‘những người chủ tiệm Giáo Pháp’ ở thành phố Giáo Pháp của đức Thế Tôn.

Tâu đại vương, hơn nữa những vị tỳ khưu nào là những người có của cải, có tài sản, với của cải là châu báu về Giáo Pháp, với của cải là sự học tập và lắng nghe về Kinh điển, có sự thấu triệt về nguyên âm, phụ âm, và đặc điểm đã được diễn đạt, có sự hiểu biết rộng rãi, tâu đại vương, những vị tỳ khưu như thế được gọi là ‘những người triệu phú về Giáo Pháp’ ở thành phố Giáo Pháp của đức Thế Tôn.

Tâu đại vương, hơn nữa những vị tỳ khưu nào có sự thấu triệt sự thuyết giảng tốt bậc, đã quen thuộc với sự phân loại và mô tả đối tượng (của tâm), đã đạt đến sự toàn hảo về đức hạnh của việc học tập, tâu đại vương, những vị tỳ khưu như thế được gọi là ‘những nhà đạo đức nổi tiếng’ ở thành phố Giáo Pháp của đức Thế Tôn.

Tâu đại vương, thành phố Giáo Pháp của đức Thế Tôn đã khéo được bố trí như vậy, khéo được xây dựng như vậy, khéo được sắp xếp như vậy, khéo được bồi đắp như vậy, khéo được xác định như vậy, khéo được bảo vệ như vậy, khéo được gìn giữ như vậy, khó bị chế ngự như vậy bởi những kẻ nghịch, những kẻ thù. Tâu đại vương, với lý do này, với nguyên nhân này, với phương pháp này, với sự suy luận này, nên nhận biết rằng: ‘Có đức Thế Tôn ấy.’

‘Cũng giống như sau khi nhìn thấy thành phố khéo được bố trí, làm thích ý, bằng suy luận họ nhận biết sự vĩ đại của nhà kiến trúc.

Y như thế ấy, sau khi nhìn thấy thành phố Giáo Pháp cao quý của đấng Bảo Hộ Thế Gian, bằng suy luận họ biết rằng: ‘Có đức Thế Tôn ấy.’

Sau khi nhìn thấy làn sóng ở biển cả, bằng suy luận họ biết rằng theo như làn sóng này được nhìn thấy thì biển cả sẽ là lớn lao.

Tương tự, đức Phật là bậc xua đi nổi sầu muộn, không bị đánh bại ở mọi nơi, đã đạt đến sự cạn kiệt của tham ái, có sự thoát khỏi sự luân chuyển trong các cõi.

Sau khi nhìn thấy làn sóng ở thế gian luôn cả chư Thiên, theo như sự lan rộng của làn sóng Giáo Pháp, bằng suy luận có thể biết được đức Phật sẽ là hạng nhất.

Sau khi nhìn thấy ngọn núi vươn cao, theo như cách nó được vươn cao, bằng suy luận họ biết rằng nó sẽ là núi Hi-mã-lạp.

Tương tự, sau khi nhìn thấy ngọn núi Giáo Pháp của đức Thế Tôn có trạng thái mát lạnh, không có mầm mống tái sanh, vươn cao, không lay động, khéo được thiết lập.

Sau khi nhìn thấy ngọn núi Giáo Pháp, bằng suy luận có thể biết được bậc Đại Hùng ấy chính là như thế, đức Phật sẽ là hạng nhất.

Cũng giống như sau khi nhìn thấy bàn chân của con voi chúa, bằng suy luận mọi người biết được rằng: ‘Con voi ấy là to lớn.’

Y như thế ấy, sau khi nhìn thấy dấu chân của đức Phật vĩ đại, bậc có sự thông suốt, bằng suy luận họ biết rằng vị ấy sẽ là tột bậc.

Sau khi nhìn thấy những con thú nhỏ bị sợ hãi, bằng suy luận họ biết rằng: ‘Những con thú nhỏ này bị sợ hãi bởi âm thanh của con thú chúa.’

Tatheva titthiye disvā vitthate bhītamānase,
anumānena ñātabbamaṃ dhammarājena gajjītaṃ.

Nibbutamaṃ paṭhaviṃ disvā haritapattaṃ mahodikaṃ,
anumānena jānanti mahāmeghena nibbutamaṃ.

Tathevimaṃ janaṃ disvā āmoditapamoditaṃ,
anumānena ñātabbamaṃ dhammameghena tappitaṃ.

Laggaṃ disvā bhusaṃ pañkaṃ kalaladdagataṃ mahiṃ,
anumānena jānanti vārikkhandho mahā gato.

Tathevimaṃ janaṃ disvā rajapañkasamohitaṃ,
vahiṃ dhammanadiyā viṣṣaṭṭhaṃ dhammasāgare.

Dhammāmatagataṃ disvā sadevakamimaṃ mahiṃ,
anumānena ñātabbamaṃ dhammakkhando mahā gato.

Anumānena jānanti ghāyitvā gandhamuttamaṃ,
yathāyaṃ vāyati gandho hessanti pupphitā dumā.

Tathevāyaṃ sīlagandho pavāyati sadevake,
anumānena ñātabbamaṃ atthi buddho anuttaro 'ti.

20. Evarūpena kho mahārāja kāraṇasatena kāraṇasahassena hetusatena hetusahassena nayasatena nayasahassena opammasatena opammasahassena sakkā buddhabalaṃ upadassayituṃ. Yathā mahārāja dakkho mālākāro nānāpuppharāsīmā ācariyānusatthiyā paccattapurisakārena vicittaṃ mālāguṇarāsīṃ kareyya.

Evameva kho mahārāja so bhagavā vicittapuppha-rāsi viya anantaḡuṇo appameyyaḡuṇo. Ahametarahi jinasāsane mālākāro viya pupphaganthako pubbakānaṃ ācariyānaṃ maggenapi mayhaṃ buddhibalenapi asaṅkheyyenapi kāraṇena anumānena buddhabalaṃ dīpayissāmi. Tvampanettha chandaṃ janehi savaṇāyā "ti.

21. "Dukkaraṃ bhante nāgasena aññesaṃ evarūpena kāraṇena anumānena buddhabalaṃ upadassayituṃ. Nibbuto 'smi bhante nāgasena tumhākaṃ paramavicittena pañhaveyyākaraṇena "ti.

Anumānapañho paṭhamao.

Y như thế ấy, sau khi nhìn thấy các ngoại đạo bị bồi rôi, có tâm sợ hãi, bằng suy luận có thể biết được tiếng rống của đấng Pháp Vương.

Sau khi nhìn thấy trái đất đã được nguội lạnh, đạt được màu xanh, có nhiều nước, bằng suy luận họ biết rằng (trái đất) đã được nguội lạnh nhờ đám mưa lớn.

Y như thế ấy, sau khi nhìn thấy người này được vui mừng, hớn hở, bằng suy luận có thể biết được (người ấy) đã được toại ý bởi cơn mưa Giáo Pháp.

Sau khi nhìn thấy bụi bặm bị kết dính, bùn lầy, mặt đất trở thành lầy lội ẩm thấp, bằng suy luận họ biết rằng có khối nước lớn đã đi đến.

Y như thế ấy, sau khi nhìn thấy người này bị lấm lem bởi bụi bặm và bùn lầy, đã được đưa đến bởi dòng sông Giáo Pháp, đã được chuyển đến ở biển cả Giáo Pháp, --

Sau khi nhìn thấy quả đất này luôn cả chư Thiên đi đến sự Bất Tử của Giáo Pháp, bằng suy luận có thể biết được có Pháp uẩn vĩ đại đã đi đến.

Sau khi ngửi mùi hương tối thượng, bằng suy luận họ biết rằng là theo như mùi hương này thổi đến thì sẽ có những cây đã được trở hoa.

Y như thế ấy, mùi hương giới đức này thổi ở thế gian luôn cả chư Thiên, bằng suy luận có thể biết được là có đức Phật vô thượng.'

20. Tâu đại vương, có thể chỉ cho thấy năng lực của đức Phật bằng một trăm lý do, bằng một ngàn lý do, bằng một trăm nguyên nhân, bằng một ngàn nguyên nhân, bằng một trăm phương pháp, bằng một ngàn phương pháp, bằng một trăm ví dụ, bằng một ngàn ví dụ. Tâu đại vương, giống như người làm tràng hoa khôn khéo, từ đồng bông hoa nhiều loại, theo sự chỉ dạy của người thầy, bằng việc làm của cá nhân một người, có thể tạo thành một đồng các kiểu tràng hoa nhiều màu sắc.

Tâu đại vương, tương tự y như thế đức Thế Tôn ấy, có đức hạnh vô biên, có đức hạnh vô lượng, ví như đồng bông hoa nhiều màu sắc. Giờ đây, ví như người làm tràng hoa, người kết bông hoa trong Giáo Pháp của đấng Chiến Thắng, cũng bằng đường lối của các vị thầy tiền bối, cũng bằng năng lực ở sự sáng suốt của tôi, tôi sẽ giải thích năng lực của đức Phật bằng cách suy luận bằng nhiều lý lẽ không thể đếm được. Vậy thì trong trường hợp này, ngài hãy khởi lên ước muốn về việc lắng nghe."

21. "Thưa ngài Nāgasena, thật là việc khó khăn để chỉ cho thấy năng lực của đức Phật bằng sự suy luận bằng lý lẽ có hình thức như vậy đối với những người khác. Thưa ngài Nāgasena, trẫm đã được thỏa mãn với việc giải thích câu hỏi một cách vô cùng đa dạng của ngài."

Câu hỏi (giảng bằng sự) suy luận là thứ nhất.
